

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRỊNH THỊ KIM LÊ

**DOANH NGHIỆP XÃ HỘI THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN NGỌC THANH HÀ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	4
7. Kết cấu của luận văn	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	5
1.1. Khái quát về doanh nghiệp xã hội.....	5
1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp xã hội.....	5
1.1.2. Lịch sử và quá trình phát triển doanh nghiệp xã hội.....	5
1.1.3.Đặc điểm của doanh nghiệp xã hội	6
1.2. Khái niệm và quá trình phát triển pháp luật về doanh nghiệp xã hội	6
1.2.1. Khái niệm pháp luật về doanh nghiệp xã hội.....	6
1.2.2. Quá trình phát triển pháp luật doanh nghiệp xã hội.....	6
1.3. Ý nghĩa của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với doanh nghiệp xã hội	7
1.4. Các văn bản điều chỉnh	7
1.5. Nội dung pháp luật về doanh nghiệp xã hội.....	8
1.5.1. Thành lập doanh nghiệp xã hội	8
1.5.2. Hình thức tổ chức và hoạt động doanh nghiệp xã hội	8
1.5.3. và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội	8
1.5.4.Tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp xã hội.....	9
1.5.5. Trách nhiệm của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội	9
1.5.6. Theo dõi, giám sát hoạt động của doanh nghiệp xã hội.....	9
1.6. Kinh nghiệm của một số nước về doanh nghiệp xã hội.....	9
Kết luận chương 1	10

Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	11
2.1. Thực trạng pháp luật về doanh nghiệp xã hội	11
2.1.1. Thành lập doanh nghiệp xã hội	11
2.1.2. Hình thức tổ chức và hoạt động doanh nghiệp xã hội	11
2.1.3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội	11
2.1.4. Tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp xã hội.....	12
2.1.5.Trách nhiệm của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội	12
2.1.6. Theo dõi, giám sát hoạt động của doanh nghiệp xã hội.....	12
2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam	13
2.2.1. Kết quả đạt được	13
2.2.2. Hạn chế trong việc thực thi pháp luật doanh nghiệp xã hội.....	13
2.2.3. Hạn chế trong việc quản lý, giám sát doanh nghiệp xã hội.....	14
Kết luận chương 2	15
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI	16
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh xã hội theo pháp luật Việt Nam	16
3.2. Định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay.....	16
3.3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay.....	16
3.3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật.....	16
3.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.....	17
Kết luận chương 3	18
KẾT LUẬN	19

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Doanh nghiệp xã hội là một xu thế mới xuất hiện ở Việt Nam và đã có những phát triển ngày càng tăng trong vài năm trở lại đây không chỉ ở Việt Nam mà còn phát triển rất mạnh ở nhiều nước trên thế giới. DNXH về cơ bản cũng giống như các doanh nghiệp khác thực hiện các hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm và cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, khác với các doanh nghiệp thông thường, DNXH được hình thành nhằm giải quyết vấn đề xã hội hay môi trường cụ thể thông qua mô hình kinh doanh thực sự bền vững chứ không chỉ nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho chủ sở hữu hoặc nhà đầu tư.

Các quy định của pháp luật về DNXH là khung pháp lý quan trọng trong việc khuyến khích doanh nghiệp xã hội phát triển và có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử pháp luật kinh doanh Việt Nam, hình thức DNXH được ghi nhận như một mô hình kinh doanh mới trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sau đó Chính phủ đã có hướng dẫn mô hình DNXH này ở Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. Như vậy, chúng ta có thể thấy DNXH ra đời với mục tiêu cộng đồng đòi hỏi phải có khuôn khổ pháp lý đồng bộ và phù hợp để động viên các chủ thể kinh doanh tham gia chia sẻ gánh nặng an sinh xã hội với Nhà nước. Hiện nay, pháp luật về DNXH ở Việt Nam tương đối mới cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn thi hành pháp luật, pháp luật có những quy định còn rất sơ khai và hạn hẹp chưa thúc đẩy quy mô và hoạt động, hình thức tổ chức của DNXH trong các lĩnh vực kinh tế.

Để DNXH phát triển tại Việt Nam, chúng ta cần có những quy định của pháp luật rõ ràng và chính sách ưu đãi của Nhà nước nhằm giúp cho các doanh nhân tạo được hướng đi của doanh nghiệp trong thực tế để kinh doanh hiệu quả góp phần phát triển nhiều hơn cho xã hội.

Trên cơ sở những phân tích trên, tác giả chọn nghiên cứu đề tài “*Doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam*” làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Với tình hình hiện nay, khi mà sự phát triển các loại hình về hoạt động của DNXH là xu thế tất yếu, đang ngày càng nhận được nhiều hơn

sự quan tâm của cộng đồng thế giới nói chung và người dân Việt Nam nói riêng thì việc nghiên cứu các quy định của pháp luật về DNXH cũng ngày càng trở nên bức thiết hơn. Việc nghiên cứu vấn đề trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn sẽ giúp cho chúng ta có cái nhìn toàn diện và cụ thể hơn về pháp luật hiện hành của nước ta.

Cho đến nay đã có những công trình nghiên cứu hoạt động của DNXH như: bài viết của đồng tác giả Nguyễn Đình Cung, Lưu Minh Đức, Phạm Kiều Oanh, Trần Thị Hồng Gấm với bài nghiên cứu “*Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam – Khái niệm, bối cảnh và chính sách*”. Các tác giả đã phân tích khái quát về tình hình phát triển của DNXH tại Việt Nam, bài viết được công bố năm 2012. Tiếp đó cũng trong năm 2012, tác giả Trương Đức Lực có bài viết “*Nghiên cứu một số vấn đề về doanh nghiệp xã hội*” cũng đã đưa ra một số lý luận khái quát, và quan điểm về sự phát triển của DNXH trong thời gian này; Các tác giả cũng nghiên cứu và so sánh sự phát triển của mô hình DNXH trên bình diện cả nước. Bài nghiên cứu của tác giả Phan Thị Thanh Thủy năm 2015 “*Hình thức pháp lý của doanh nghiệp xã hội: Kinh nghiệm nước Anh và một số gợi mở cho Việt Nam*” so sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa DNXH ở Việt Nam và nước Anh và từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện DNXH ở Việt Nam. Ngoài ra, Tạp chí Khoa học số 31 (2014) Trường Đại học Cần Thơ có bài viết: “*Giải pháp phát triển doanh nghiệp xã hội qua các trường Đại học tại Đồng Bằng Sông Cửu Long*”, tác giả Lê Nguyễn Đoàn Khôi có định hướng phân tích mô hình DNXH và định hướng cho sinh viên về việc phát triển DNXH. Ngoài ra còn có nhiều bài viết trên các báo, tạp chí bàn về loại hình DNXH.

“*Doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam*” là đề tài cũng đang dần dần được giới nghiên cứu khoa học quan tâm. Đây là vấn đề phức tạp, tuy đã có từ lâu nhưng luôn luôn là vấn đề mới. Đề tài đã có không ít bài viết, công trình khoa học nghiên cứu, tuy nhiên đây là một vấn đề mới trong cách tiếp cận vấn đề và cách chọn mục đích vấn đề nghiên cứu. Từ khi Luật Doanh nghiệp 2014 có quy định về mô hình DNXH chưa có bài nghiên cứu nào phân tích cụ thể và toàn diện về các quy định của pháp luật về loại hình DNXH. Chính vì thế, nghiên cứu pháp luật về DNXH một cách toàn diện vẫn là một vấn đề có vai trò quan trọng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng về doanh nghiệp xã hội, đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật và

nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay.

3.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục đích trên, Luận văn có những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Làm rõ một số lý luận về doanh nghiệp xã hội, phân tích, làm rõ các quy định của pháp luật về mô hình DNXH ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng và thực tiễn thi hành pháp luật về DNXH ở Việt Nam.

Trên cơ sở đó, luận văn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật DNXH tại Việt Nam hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. *Đối tượng nghiên cứu*

Luận văn nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về mô hình DNXH.

Tìm hiểu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về DNXH, những hạn chế, bất cập trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật về DNXH.

4.2. *Phạm vi nghiên cứu*

Phạm vi nghiên cứu các quy định của pháp luật về doanh nghiệp xã hội được quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 trên địa bàn cả nước từ năm 2010 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. *Phương pháp luận nghiên cứu*

Để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra, tác giả nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng thời vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam và của Nhà nước về xây dựng và phát triển các DNXH, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

5.2. *Phương pháp nghiên cứu*

Ngoài việc sử dụng phương pháp luận, tác giả còn sử dụng phương pháp nghiên cứu như:

Phương pháp phân tích: nhằm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về DNXH, phân tích những bất cập để nêu giải pháp hoàn thiện.

Phương pháp tổng hợp: Vận dụng để tổng hợp những số liệu, kết quả phân tích từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết các bất cập trong việc thực hiện mô hình DNXH.

Phương pháp so sánh: so sánh giữa các quy định của pháp luật VN về DNXH theo các quy định của một số nước có mô hình DNXH phát triển.

Ngoài ra, luận văn cũng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học khác như: quy nạp, diễn dịch, kết hợp, suy diễn logic... để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu theo yêu cầu của đề tài.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Luật Doanh nghiệp năm 2014 được ban hành có hiệu lực vào ngày 01/07/2015 đã có những bước tiến mới trong các quy định nhằm đảm bảo an toàn pháp lý và quyền tự do kinh doanh liên quan đến mô hình DNXH tại Việt Nam.

Trong khuôn khổ một luận văn thạc sĩ, cá nhân làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của mô hình DNXH.

Phân tích, đánh giá pháp luật hiện hành thông qua phân tích những điểm mới và chỉ ra những điểm còn chưa hợp lý và đưa ra các nhận định hợp lý và chưa hợp lý để là cơ sở hoàn thiện pháp luật.

Đưa ra những nhận định thông qua việc áp dụng pháp luật về DNXH trong thực tiễn thi hành.

So sánh những quy định về DNXH của Việt Nam và quy định của một số nước trên thế giới, từ đó có những kết luận và bài học để phát triển DNXH ở Việt Nam hiện nay.

Đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hoạt động DNXH ở Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được bao gồm 3 chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và pháp luật về Doanh nghiệp xã hội

Chương 2: Thực trạng và thực tiễn thi hành pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về doanh nghiệp xã hội

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

1.1. Khái quát về doanh nghiệp xã hội

1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp xã hội

Có thể nói khái niệm về DNXH được hiểu theo nghĩa rất rộng, do đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức DNXH có cơ sở phát triển. Luật Doanh nghiệp 2014 lần đầu tiên ghi nhận mô hình DNXH và đã góp phần định hướng pháp lý cho các cá nhân, tổ chức đã và đang hướng về hoạt động theo mô hình này.

DNXH là doanh nghiệp được thành lập theo đúng trình tự thủ tục với mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng, sử dụng phần lớn lợi nhuận để tái đầu tư cho bản thân doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký.

1.1.2. Lịch sử và quá trình phát triển doanh nghiệp xã hội

Theo nghiên cứu của MacDonald M & Howarth C (2008) mô hình DNXH đầu tiên xuất hiện tại London vào năm 1665¹.

Mô hình DNXH hình thành từ Vương quốc Anh từ thế kỷ XVII sau đó lan rộng ra các nước Anh, Mỹ, Bắc Âu trong các thế kỷ XVIII - XIX.

Đầu thế kỷ XX, mô hình DNXH có xu hướng phát triển chậm lại do vị thế ưu việt của trường phái Keynes² và do cuộc khủng hoảng nghiêm trọng nhất trong lịch sử chủ nghĩa tư bản. Cuối thế kỷ XX, vào những năm 1980, mô hình DNXH phát triển mạnh mẽ và lan rộng ra toàn thế giới. Trong ba thập niên trở lại đây, DNXH vượt ra phạm vi khuôn khổ các quốc gia và ở Âu châu và lan rộng ra toàn thế giới từ Tây Âu, Bắc Mỹ, Trung Đông, châu Phi, Nam Á, Đông Nam Á, Úc đến Mỹ La-tinh.

Ở Việt Nam, chúng ta có thể phân chia sự phát triển của DNXH qua ba thời kỳ:

- Thời kỳ trước đổi mới năm 1986
- Thời kỳ từ 1986 đến năm 2010
- Từ năm 2010 đến nay

Như vậy ở Việt Nam, DNXH phát triển thời gian gần đây khi sự can thiệp của nhà nước vào các hoạt động của doanh nghiệp giảm bớt, nền

¹ Nguyễn Đình Cung, Lưu Minh Đức, Phạm Kiều Oanh, Trần Thị Hồng Gấm (2012), *Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam – Khái niệm, bối cảnh và Chính sách*, tr.1.

² John Maynard Keynes (1883 -1946) là nhà kinh tế học nổi tiếng người Anh, là giáo sư Trường Đại học Cambridge và là chủ bút tờ Tạp chí Kinh tế (Economic Journal), là một chuyên gia về tài chính và tiền tệ trong Bộ Tài chính Anh.

kinh tế thị trường phát triển vượt bậc gây ra những tác động về xã hội, môi trường. Đồng thời, DNXH chỉ thật sự phát triển khi có khung pháp lý điều chỉnh về hoạt động của mô hình này.

1.1.3. Đặc điểm của doanh nghiệp xã hội

Doanh nghiệp xã hội hình thành và hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau và có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, Doanh nghiệp xã hội phải có hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, doanh nghiệp xã hội đặt mục tiêu xã hội lên hàng đầu.

Thứ ba, Doanh nghiệp xã hội thực hiện việc tái phân phối lợi nhuận.

Thứ tư, Ngoài những đặc điểm chính, doanh nghiệp xã hội thường có những đặc điểm khác thể hiện rõ được tính chất của mô hình này.

1.2. Khái niệm và quá trình phát triển pháp luật về doanh nghiệp xã hội

1.2.1. Khái niệm pháp luật về doanh nghiệp xã hội

Luật Doanh nghiệp năm 2014 không đưa ra định nghĩa cụ thể như thế nào về DNXH nhưng có các tiêu chí để xác định DNXH. Tại khoản 1 điều 10 Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp xã hội phải đáp ứng các tiêu chí gồm: *“Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của luật này; mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký”*.

Đặc điểm của doanh nghiệp xã hội gồm:

Thứ nhất: DNXH theo pháp luật Việt Nam là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Thứ hai: Doanh nghiệp xã hội đặt mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký lên hàng đầu.

Thứ ba: Lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp xã hội được quy định 51% dùng để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký.

Pháp luật về DNXH là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong việc thành lập, hoạt động của mô hình kinh doanh nhằm thực hiện các mục tiêu xã hội, sự hỗ trợ và giám sát của cơ quan nhà nước đối với các DNXH.

1.2.2. Quá trình phát triển pháp luật doanh nghiệp xã hội

Trên thế giới, Chính phủ Anh đưa ra khái niệm về DNXH và chiến lược phát triển DNXH từ năm 2002. Ở Việt Nam, những năm 1950s - 1960 mặc dù về mặt luật pháp chưa được thừa nhận nhưng mô hình DNXH sơ khai đã tồn tại ban đầu. Sau năm 1986, cùng với việc chuyển

đổi cơ chế, sự ra đời của Luật Hợp tác xã số 47-L/CTN năm 1996 đã giúp thực hiện các nguyên tắc công bằng, tự chủ, tự nguyện, minh bạch, đặt ra các quy định cho sự phát triển của hợp tác xã theo hướng tăng lợi ích cho cộng đồng. Sự ra đời của Nghị định 35 - HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng năm 1992 về công tác quản lý khoa học và công nghệ đã khuyến khích việc đưa ra giải pháp về khoa học công nghệ. Nghị định số 71/1998/NĐ-CP về ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở và các văn bản pháp quy đã khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội và công dân trong quá trình xây dựng, thực hiện việc giám sát chính sách tại cộng đồng, tăng cường dân chủ cơ sở, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội và công dân cơ sở. Đến năm 1999, Nghị định 73/1999/NĐ-CP quy định về khuyến khích các chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao đã đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động liên quan. Năm 2005, Nhà nước đã có những văn bản cụ thể quy định về những chính sách nhằm đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động mang tính xã hội, cụ thể: Nghị quyết 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 nhằm đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; Nghị định 69/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ ban hành một nội dung chính sách ưu đãi cơ sở xã hội hóa, các hình thức hoạt động phi lợi nhuận được nhà nước khuyến khích. Luật Doanh nghiệp 2014 ra đời chính thức thừa nhận sự tồn tại của DNXH tạo môi trường cho sự phát triển mạnh mẽ.

1.3. Ý nghĩa của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với doanh nghiệp xã hội

DNXH được ghi nhận tại Luật Doanh nghiệp 2014 đã có những vai trò, ý nghĩa nổi bật cụ thể:

Thứ nhất: điều chỉnh pháp luật về DNXH có vai trò quan trọng trong công cuộc thực hiện mục tiêu xã hội.

Thứ hai, ghi nhận mô hình DNXH trong Luật Doanh nghiệp 2014 tạo điều kiện thuận lợi hơn cho mô hình này hoạt động với mục đích xã hội.

Thứ ba, DNXH được điều chỉnh bằng pháp luật thể hiện một bước phát triển của mô hình này trong xã hội.

1.4. Các văn bản điều chỉnh

DNXH hiện hành có thể hệ thống các văn bản cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Nghị định 96/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.
- Nghị định 78/2015/NĐ-CP Về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT Hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 quy định các biểu mẫu, văn bản sử dụng trong đăng ký DNXH theo Nghị định 96/2015/NĐ-CP.

- Nghị quyết 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 nhằm đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

- Nghị định 69/2008/NĐ-CP ban hành một nội dung chính sách ưu đãi cơ sở xã hội hóa, các hình thức hoạt động phi lợi nhuận được nhà nước khuyến khích.

Ngoài ra, pháp luật có quy định những chính sách được ưu đãi khi thực hiện đầu tư các lĩnh vực mang lại tác động tích cực cho xã hội, môi trường.

1.5. Nội dung pháp luật về doanh nghiệp xã hội

1.5.1. Thành lập doanh nghiệp xã hội

Một trong những tiêu chí của một DNXH theo điểm a Khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2014 “*là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của luật này*”. Để thành lập DNXH theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, DNXH phải thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh như các mô hình doanh nghiệp thông thường. Khác với mô hình doanh nghiệp thông thường, DNXH khi thành lập và hoạt động phải có bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.

1.5.2. Hình thức tổ chức và hoạt động doanh nghiệp xã hội

Trong phạm vi Luật Doanh nghiệp 2014, hình thức tổ chức DNXH được định nghĩa khá cụ thể như các loại hình doanh nghiệp khác. DNXH thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và hồ sơ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014 gồm: Công ty Cổ phần; Công ty TNHH hai thành viên; Công ty TNHH một thành viên; Công ty Hợp danh, doanh nghiệp tư nhân. Về cơ cấu hoạt động của DNXH mang những đặc điểm tương đồng với các loại hình doanh nghiệp thông thường.

1.5.3. và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội

DNXH hoạt động sẽ phải thực hiện các quyền được quy định tại Điều 7 của Luật Doanh nghiệp 2014 bao gồm việc tự do, tự chủ kinh doanh, chủ động ứng dụng khoa học công nghệ, tuyển dụng, chiếm hữu sử dụng tài sản của doanh nghiệp hoặc từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định, thực hiện các quyền về khiếu nại, tố cáo và các quyền khác có liên quan. Bên cạnh những quy định về việc đảm bảo quyền lợi cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xã hội nói

riêng, pháp luật có quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp tại điều 8 Luật Doanh nghiệp 2014. Những quyền và nghĩa vụ cụ thể bổ sung đối với mô hình doanh nghiệp xã hội được quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2014.

Như vậy, ngoài các quyền và nghĩa vụ cơ bản của một doanh nghiệp thì DNXH có những chính sách về quyền, đồng thời có trách nhiệm thực hiện những nghĩa vụ báo cáo cụ thể hơn và mang tính chất công khai với các cơ quan có thẩm quyền về việc quản lý các khoản viện trợ.

1.5.4. Tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp xã hội

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập đối với DNXH được thực hiện trong các trường hợp cụ thể gồm:

- DNXH được chia hoặc tách thành các DNXH.
- Các doanh nghiệp, DNXH hợp nhất thành DNXH.
- Sáp nhập doanh nghiệp, DNXH vào DNXH.

Như vậy, Nhà nước tạo điều kiện cho DNXH có thể chuyển đổi hình thức hoạt động, đồng thời quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của các cổ đông, các thành viên trong quá trình giải thể, phá sản và chuyển đổi phần vốn, cổ phần.

1.5.5. Trách nhiệm của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội

Tại điều 9 Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Doanh nghiệp quy định về trách nhiệm của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội. Để duy trì cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, pháp luật có quy định về trách nhiệm của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp tư nhân, việc quy định như trên đảm bảo được hiệu quả trong việc sử dụng nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn được các cá nhân, tổ chức tài trợ một cách hiệu quả.

1.5.6. Theo dõi, giám sát hoạt động của doanh nghiệp xã hội

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát đối với doanh nghiệp xã hội có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố mình. Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan quản lý viện trợ, tài trợ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc theo dõi, giám sát đối với doanh nghiệp xã hội.

1.6. Kinh nghiệm của một số nước về doanh nghiệp xã hội

Mô hình DNXH đã xuất hiện rất sớm trên thế giới, hoạt động của mô hình này đã được khẳng định một cách rõ nét khi DNXH thực hiện những sứ mệnh quan trọng của thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. Khái niệm DNXH đã rất phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, đồng thời

pháp luật của các nước đã có những chính sách cụ thể nhằm tạo điều kiện cho mô hình này hoạt động hiệu quả điển hình ở Vương quốc Anh, Mỹ và Thái Lan. Những tiến bộ của các nước Anh, Mỹ, Thái Lan về chính sách phát triển DNXH là những nội dung mà nước ta cần quan tâm và phân tích nhằm có những phương án phù hợp cho DNXH nước nhà đang trong quá trình hình thành và phát triển.

Kết luận chương 1

Mô hình doanh nghiệp xã hội được bước đầu công nhận tại Luật Doanh nghiệp 2014, từ những quy định chung nhất, cơ bản nhất sẽ là hành lang pháp lý mang tính quan trọng cho bước phát triển của doanh nghiệp xã hội. Chương 1 cũng có những liên hệ hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội của một số nước đang phát triển trên thế giới sẽ giúp cho công tác xây dựng và hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật của Việt Nam trong việc quy định công tác hoạt động, điều chỉnh, hỗ trợ và quản lý mô hình doanh nghiệp xã hội này.

Chương 2

THỰC TRẠNG VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về doanh nghiệp xã hội

2.1.1. Thành lập doanh nghiệp xã hội

Về trình tự thủ tục thành lập DNXH được quy định cụ thể tại Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 96/2015/NĐ-CP, cụ thể: tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định: “*DNXH thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và hồ sơ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp*”.

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định về tên đăng ký doanh nghiệp xã hội: “*Tên doanh nghiệp xã hội được đặt theo quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp và có thể bổ sung thêm cụm từ “xã hội” vào tên riêng của doanh nghiệp*”. Việc quy định này gây khó khăn trong công tác quản lý và đăng ký kinh doanh đối với các cơ quan thực thi pháp luật.

2.1.2. Hình thức tổ chức và hoạt động doanh nghiệp xã hội

Hoạt động thực hiện quyền, nghĩa vụ của một doanh nghiệp được quy định tại điều 7, điều 8 Luật Doanh nghiệp 2014, đồng thời khi thực hiện hoạt động kinh doanh thì doanh nghiệp xã hội phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ khác. Đặc điểm khác biệt giữa hai loại hình đối với doanh nghiệp truyền thống là DNXH hoạt động vì mục tiêu xã hội, môi trường là chính, việc phân phối lợi nhuận 51% cho tái đầu tư và mục đích xã hội theo cam kết đã được thực hiện.

2.1.3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội

Quyền của doanh nghiệp xã hội có những đặc điểm chính:

Thứ nhất, Về chính sách thuế với DNXH chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp miễn thuế đối với doanh nghiệp xã hội.

Thứ hai, Ưu đãi về cơ sở hạ tầng, đất đai doanh nghiệp xã hội chưa được thừa nhận chính thức về chính sách ưu đãi.

Thứ ba: Về việc huy động nguồn vốn và nhận tài trợ hiện nay còn hạn chế và chưa có những quy định về các ưu đãi đầu tư, những chính sách của nhà nước.

Nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội có những nội dung:

Thứ nhất: DNXH chưa có hướng dẫn cụ thể về việc kiểm soát nguồn vốn được tái đầu tư và nguồn vốn được tài trợ.

Thứ hai, về việc kiểm soát sử dụng các khoản tài trợ chưa có sự kiểm soát cụ thể.

Như vậy, hệ thống văn bản chưa đủ mạnh để điều chỉnh vấn đề doanh nghiệp xã hội. Nhìn chung hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội cần phải được hoàn thiện và nâng cao hơn nữa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xã hội thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường một cách hiệu quả.

2.1.4. Tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp xã hội

Khoản 1, điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp quy định về các trường hợp chia, tách, hợp nhất và sáp nhập doanh nghiệp bao gồm: “doanh nghiệp xã hội được chia hoặc tách thành các doanh nghiệp xã hội; các doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội hợp nhất thành doanh nghiệp xã hội; sáp nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội vào doanh nghiệp xã hội”.

Việc lúng túng trong công tác xác định doanh nghiệp xã hội kèm với việc bổ sung các văn bản khác so với doanh nghiệp thông thường mà việc đăng ký thường kéo dài thời gian và phức tạp hơn.

2.1.5. Trách nhiệm của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội

Pháp luật quy định trách nhiệm của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội tại điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp. Theo đó chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội thực hiện các nghĩa vụ gồm:

Thứ nhất: chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội được chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân khác nếu họ có cam kết tiếp tục thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Thứ hai: Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông trong công ty cổ phần.

Thứ ba: Duy trì mục tiêu xã hội, môi trường và trách nhiệm của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên, cổ đông doanh nghiệp xã hội.

2.1.6. Theo dõi, giám sát hoạt động của doanh nghiệp xã hội

Hiện tại, các doanh nghiệp xã hội được thành lập, quản lý bởi cơ quan đăng ký doanh nghiệp như các doanh nghiệp thông thường khác. Mọi thủ tục hành chính đều được giải quyết chung như các doanh nghiệp thông thường, tuy nhiên, doanh nghiệp xã hội lại có những đặc thù riêng, đặc biệt như tiếp nhận tài trợ, thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường... Do đó, việc quản lý chung bởi cùng 1 cơ quan có thể sẽ gây khó khăn trong việc phân loại các loại hình doanh nghiệp và doanh

ng nghiệp xã hội để thực hiện hiệu quả công tác quản lý cũng như các chính sách phù hợp hơn.

2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam

2.2.1. Kết quả đạt được

Doanh nghiệp xã hội hoạt động đã có những hiệu quả nhất định trên nhiều phương diện khác nhau.

Năm 2016, KOTO là doanh nghiệp xã hội được công nhận đầu tiên tại Việt Nam theo tinh thần Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 96/2015/NĐ - CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 2014. Bên cạnh doanh nghiệp xã hội, nhiều tổ chức, cá nhân đã có những hỗ trợ về mặt tài chính kịp thời giúp tác động tích cực, hỗ trợ lớn về mặt tài chính giúp các doanh nghiệp xã hội hoạt động hiệu quả trong những thời điểm cần thiết. Doanh nghiệp xã hội có những tổ chức trung gian hỗ trợ về việc tổ chức hoạt động và nguồn vốn để phát triển theo mục tiêu đã được đăng ký và hoạt động về xã hội và môi trường.

Về hiệu quả hoạt động của mô hình doanh nghiệp xã hội, hiện nay có 70% doanh nghiệp xã hội đang kinh doanh có lợi nhuận, 59% doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam lựa chọn cân bằng giữa mục tiêu xã hội và kinh tế, 34% tập trung chủ yếu vào mục tiêu xã hội. Ba lĩnh vực tác động hàng đầu của các doanh nghiệp này bao gồm việc làm, cuộc sống mạnh khỏe hạnh phúc của mọi người và bảo vệ môi trường³.

2.2.2. Hạn chế trong việc thực thi pháp luật doanh nghiệp xã hội

Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp xã hội có những hạn chế gồm:

Thứ nhất: Nhiều doanh nghiệp không biết khái niệm “Doanh nghiệp xã hội” được ghi nhận vào luật, đồng thời pháp luật cũng chưa có những chính sách cụ thể dành riêng cho doanh nghiệp xã hội thống nhất tại văn bản cụ thể.

Thứ hai, doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam còn khá non trẻ, thành lập chủ yếu từ những ý tưởng mang tính cá nhân nên vốn đầu tư ban đầu đa phần là vốn tự đóng góp, khả năng huy động vốn, tiếp cận đầu tư thương mại thường rất hạn chế.

³ Ngọc Mai (2018), Bài viết “Doanh nghiệp cân bằng mục tiêu xã hội và kinh tế - mô hình kinh doanh bền vững” trên Báo Công thương <https://congthuong.vn/doanh-nghiep-can-bang-muc-tieu-xa-hoi-va-kinh-te-mo-hinh-kinh-doanh-ben-vung-109432.html>

Thứ ba, là một doanh nghiệp, mô hình doanh nghiệp xã hội đảm bảo phải có lợi nhuận đồng thời với các nghĩa vụ cộng đồng cao cả luôn thách thức những doanh nhân xã hội.

Thứ tư, Có những doanh nghiệp hoạt động chân chính, vì mục tiêu xã hội, môi trường, tuy nhiên vẫn có nhiều trường hợp lợi dụng người yếu thế, khuyết tật để kêu gọi tài trợ.

Thứ năm, hiện nay đóng góp của số lượng DNXH cho quốc gia còn thấp bởi chủ yếu các sản phẩm hay dịch vụ của DNXH còn đơn giản, không sử dụng nhiều công nghệ, đồng thời giá cả sản phẩm do DNXH sản xuất ra còn cao hơn so với mặt bằng giá của những sản phẩm thông thường.

Thứ sáu, các doanh nhân xã hội có nguyện vọng thành lập doanh nghiệp xã hội đều xuất phát từ mục tiêu xã hội, môi trường, do vậy nhiều chủ doanh nghiệp xã hội không được đào tạo bài bản, thiếu tư duy kinh doanh và kỹ năng quản trị.

Cuối cùng, từ phía người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm có tâm lý cho qua, chấp nhận những sản phẩm kém chất lượng, điều này làm giảm động lực đối với việc phát triển các doanh nghiệp xã hội.

2.2.3. Hạn chế trong việc quản lý, giám sát doanh nghiệp xã hội

Nhằm tăng cường công tác quản lý trong việc ĐKKD, ở Việt Nam hiện nay thực hiện theo chủ trương tăng cường công tác “hậu kiểm”. Tuy nhiên, khi triển khai thực hiện chủ trương này nhiều địa phương cũng chưa thực sự làm tốt vẫn còn để tình trạng vi phạm pháp luật trong công tác ĐKKD diễn ra hàng năm. Nhiều cán bộ địa phương tại nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính không biết quy định của pháp luật về mô hình doanh nghiệp xã hội gây nên những trở ngại khó khăn trong việc đăng ký kinh doanh cũng như quản lý hành chính trong quá trình hoạt động doanh nghiệp.

Việc kiểm soát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn, các cơ quan chức năng vẫn còn thụ động chỉ khi có những yêu cầu của các cá nhân, tổ chức liên quan khi thực hiện quyền lợi của mình thì mới vào cuộc thực hiện điều tra và giám sát. Việc nghiên cứu, tìm hiểu, áp dụng các quy định tại các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương tại một số địa phương còn yếu.

Kết luận chương 2

Để doanh nghiệp xã hội có môi trường pháp lý và môi trường kinh doanh được hiệu quả thì cần có những khung pháp lý phù hợp nhằm khắc phục những khó khăn của doanh nghiệp xã hội hiện nay. Nhu cầu về mô hình của doanh nghiệp xã hội mang lại những lợi ích rất lớn cho xã hội, vì vậy việc khuyến khích phát triển doanh nghiệp xã hội, khắc phục những yếu kém, tồn đọng đối với doanh nghiệp xã hội có vai trò rất quan trọng.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh xã hội theo pháp luật Việt Nam

Pháp luật là công cụ hữu hiệu thực hiện những chính sách của nhà nước, bảo vệ người tiêu dùng, tuy nhiên hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện sẽ không thực hiện hiệu quả mô hình doanh nghiệp xã hội. Vì vậy cần đảm bảo hệ thống pháp luật để doanh nhân xã hội có thể tin tưởng vào Nhà nước, cần có những chế tài, công cụ quản lý kịp thời để làm chủ được chức năng quản lý nhà nước.

3.2. Định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay

Những định hướng cụ thể:

Thứ nhất, Hoàn thiện hệ thống pháp luật mang tính toàn diện, bền vững trên các lĩnh vực khác nhau của pháp luật từ trung ương đến địa phương đảm bảo ổn định và phát triển kinh tế.

Thứ hai, Chúng ta cần xác định rõ cụ thể mô hình doanh nghiệp khác biệt với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của công dân.

3.3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Dưới đây, cá nhân xin đưa ra một số giải pháp cụ thể cho bài viết nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội.

Thứ nhất, Cụ thể hóa văn bản pháp luật

Thứ hai, Đơn giản hóa thủ tục đăng ký.

Thứ ba, Cụ thể hóa các trường hợp phải báo cáo cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.

Thứ tư, Thay đổi cách giám sát

Thứ năm, Xác định pháp nhân thương mại hoặc phi thương mại đối với doanh nghiệp xã hội.

Thứ sáu, Quy định thống nhất về chế độ ưu đãi đối với doanh nghiệp xã hội.

Thứ bảy, Chế tài áp dụng đối với các hành vi vi phạm.

Thứ tám, Khuyến khích thành lập các quỹ đầu tư, phát triển doanh nghiệp xã hội.

Cuối cùng, Hợp tác phát triển mô hình doanh nghiệp xã hội đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

3.3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật

Để áp dụng hiệu quả các quy định của pháp luật về doanh nghiệp xã hội cần có những giải pháp cụ thể định hướng mô hình doanh nghiệp xã hội phát triển:

Thứ nhất, Phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền

Thứ hai, Nâng cao nhận thức về doanh nghiệp xã hội

Thứ ba, Đưa mô hình doanh nghiệp xã hội vào hệ thống giáo dục đại học.

Thứ tư, Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Thứ năm, Nâng cao hiệu quả của các quỹ tài chính.

Thứ sáu, Có chiến lược dài hạn trong việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu về xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội.

Thứ bảy, Khuyến khích mô hình, tư tưởng mang đến hiệu quả xã hội.

Kết luận chương 3

. Hiện Việt Nam đã có hàng trăm doanh nghiệp xã hội chính thức đăng ký hoạt động và hàng nghìn doanh nghiệp khác có ý định trở thành doanh nghiệp xã hội. Thực hiện tốt công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội giúp nhà nước giảm bớt đi những gánh nặng xã hội khi được doanh nghiệp xã hội thực hiện và mang lại những tác động không hề nhỏ. Vì vậy, chú trọng hoàn thiện những quy định của pháp luật có vai trò rất lớn.

KẾT LUẬN

Nước ta đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Hệ lụy của những cuộc chiến tranh để lại cho nhân dân cả nước là rất lớn cả về thể xác lẫn tinh thần. Họ, những đối tượng chính sách, và cả những đối tượng xã hội khác,... rất cần sự giúp đỡ, sẻ chia từ cộng đồng các doanh nghiệp và xã hội. Nếu có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ở nước ta thì ngân sách nhà nước dành cho những đối tượng này sẽ được giảm đi rất nhiều. Doanh nghiệp xã hội là tác nhân thúc đẩy đổi mới, sáng kiến cho xã hội, bởi nhóm doanh nghiệp này đi vào thị trường ngách chưa ai đi, và thậm chí sáng tạo nên sản phẩm mới, tạo lập thị trường mới, chính vì thế doanh nghiệp xã hội phù hợp với xu thế dịch chuyển.

Trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu “*Doanh nghiệp xã hội theo pháp luật Việt Nam*”, luận văn đã tập trung nghiên cứu:

Thứ nhất, những vấn đề lý luận về doanh nghiệp xã hội trên cơ sở đó làm rõ một số khái niệm, nội dung liên quan đến doanh nghiệp xã hội như: khái niệm, đặc điểm, quyền và nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý đối với doanh nghiệp xã hội.

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành đã có những đặc điểm phù hợp như thế nào so với trước đây và những vướng mắc, bất cập hiện hành của pháp luật Việt Nam về doanh nghiệp xã hội; thực tiễn áp dụng pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam còn có những khó khăn, vướng mắc gì thông qua một số thực tiễn cụ thể.

Thứ ba, từ những khó khăn, vướng mắc thực tiễn, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp xã hội, nâng cao hiệu quả việc thực hiện thành lập, hoạt động doanh nghiệp xã hội.

Với những phân tích đánh giá dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, tác giả đã đưa vào bài luận văn các quan điểm và nhận xét của mình, nên bài luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót nên mong nhận được sự đóng góp và chia sẻ ý kiến.

Một lần nữa, tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến người hướng dẫn khoa học - TS. Nguyễn Ngọc Thanh Hà đã giúp tác giả hoàn thành luận văn này.